

Số: 5670 /KH-UBND

Vũng Tàu, ngày 06 tháng 9 năm 2017

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện quy định về xây dựng phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn thành phố Vũng Tàu

Thực hiện Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 01/09/2017 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Để giúp cho người dân tiếp cận pháp luật và thực hiện việc đánh giá phường, xã tiếp cận pháp luật theo quy định đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ và có hiệu quả. Nay, Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện quy định về xây dựng phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn thành phố như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá thực trạng tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở để có giải pháp thúc đẩy, nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong việc triển khai các thiết chế tiếp cận pháp luật, bảo đảm điều kiện đáp ứng nhu cầu nâng cao nhận thức pháp luật, thực hiện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân ngay tại cơ sở.

- Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao tại Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (ban hành kèm theo Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 01/9/2017 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), phát huy đầy đủ vai trò của các phòng, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong xây dựng phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Gắn trách nhiệm quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật và xây dựng, phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật với thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của các phòng, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố và các phường, xã.

2. Yêu cầu

- Xác định rõ nội dung công việc, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao cho các phòng, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các phường, xã trong thực hiện đánh giá, công nhận, xây dựng, phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn thành phố.

- Việc xây dựng, phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là nhiệm vụ của toàn hệ thống chính trị trên địa bàn thành phố, các nội dung, hoạt động đề ra phải bảo đảm tính khả thi, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh của thành phố; phân công cụ thể trách nhiệm chủ trì, phối hợp của các cơ quan, đơn vị; chú trọng lồng ghép, kết hợp

với triển khai các chương trình, đề án, nhiệm vụ có liên quan để sử dụng nguồn lực tiết kiệm, hiệu quả.

- Trong quá trình triển khai thực hiện phải thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để bảo đảm tiến độ và việc đánh giá, công nhận, các phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật phải đảm bảo nguyên tắc dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, minh bạch.

II. NỘI DUNG

1. Phổ biến, quán triệt, triển khai các văn bản có liên quan để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng về xây dựng, đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật:

1.1. Tổ chức quán triệt, triển khai các văn bản để xây dựng, đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật.

- *Cơ quan chủ trì:* Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật thành phố (cơ quan thường trực – Phòng Tư pháp); UBND các phường, xã.

- *Cơ quan phối hợp:* Phòng Văn hoá - Thông tin; Văn phòng HĐND&UBND thành phố (Trang thông tin điện tử thành phố).

- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

1.2. Tăng cường hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân về xây dựng phường, xã, đạt chuẩn tiếp cận pháp luật lồng ghép trong các hội nghị, hội thảo, tập huấn, trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức phù hợp khác.

- *Cơ quan chủ trì:* Ủy ban nhân dân các phường, xã.

- *Cơ quan phối hợp:* Phòng Văn hoá - Thông tin, các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

1.3. Biên soạn các tài liệu về tiếp cận pháp luật để giải đáp, hướng dẫn nghiệp vụ, chấm điểm, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- *Cơ quan chủ trì:* Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận thành phố (cơ quan thường trực – Phòng Tư pháp); UBND các phường, xã.

- *Cơ quan phối hợp:* Các cơ quan thành viên Hội đồng.

- *Thời gian thực hiện:* Hằng năm.

2. Thành lập Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật; xây dựng, ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng:

Triển khai các giải pháp, biện pháp thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật và xây dựng phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo chỉ đạo, hướng dẫn của Tỉnh và Trung ương.

Thành lập Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật thành phố và đề ra các tiêu chí theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp tại Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

- *Cơ quan chủ trì:* Phòng Tư pháp
- *Cơ quan phối hợp:* Các phòng, ban, đơn vị có liên quan
- *Thời gian thực hiện:* Quý III năm 2017.

3. Các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện phục vụ việc đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật:

3.1. Chỉ đạo, hướng dẫn việc rà soát, chấm điểm, tổ chức đánh giá, công nhận các phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- *Cơ quan chủ trì:* Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật thành phố.
- *Cơ quan phối hợp:* UBND các phường, xã.
- *Thời gian thực hiện:* Hàng năm.

3.2. Tổ chức đánh giá, công nhận các phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- *Cơ quan chủ trì:* Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật thành phố.
- *Cơ quan phối hợp thực hiện:* Ủy ban nhân dân các phường, xã tự đánh giá.
- *Thời gian thực hiện:* Hàng năm.

3.3. Đề xuất, triển khai giải pháp khắc phục, cải thiện, thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật và xây dựng phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên cơ sở kết quả đánh giá hằng năm, tập trung trọng tâm vào địa bàn chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hoặc có nhiều tiêu chí, chỉ tiêu đạt kết quả thấp.

- *Cơ quan chủ trì:* Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật thành phố (Cơ quan thường trực - Phòng Tư pháp)
- *Cơ quan phối hợp:* Ủy ban nhân dân các phường, xã
- *Thời gian thực hiện:* Hằng năm.

4. Đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính tại cấp xã:

- *Cơ quan chủ trì thực hiện:* UBND cấp xã.
- *Thời gian thực hiện:* Hàng năm.

4.1. *Đối tượng tham gia đánh giá sự hài lòng, bao gồm:* tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các phường, xã và đã được trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong năm đánh giá hoặc năm trước liền kề năm đánh giá.

4.2. *Số lượng đối tượng tham gia đánh giá sự hài lòng hằng năm của mỗi đơn vị phường, xã, tối thiểu phải đạt từ 15% trở lên số lượt thủ tục hành chính tại phường, xã đã được giải quyết và trả kết quả của năm trước liền kề năm đánh giá.*

4.3. Đối với Ủy ban nhân dân phường, xã trong năm đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cũng thực hiện đo lường sự hài lòng về chỉ số cải cách thủ tục hành chính (chỉ số PAR INDEX) thì có thể lồng ghép đánh giá hoặc sử dụng kết quả của chỉ số này để tính điểm chỉ tiêu 5 về “*bảo đảm sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính*” của Tiêu chí 2.

4.4. Việc đánh giá sự hài lòng bằng Phiếu lấy ý kiến thực hiện như sau:

- Việc tổ chức đánh giá sự hài lòng bằng Phiếu lấy ý kiến được thực hiện nhiều lần vào cuối tháng, cuối quý hoặc 06 tháng một lần theo điều kiện thực tế của địa phương nhưng phải tuân thủ quy định về đối tượng tham gia, số lượng đối tượng tham gia đánh giá sự hài lòng nêu trên;

- Trường hợp gửi hoặc phát Phiếu lấy ý kiến tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường, xã, công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức, cá nhân trả lời đầy đủ nội dung và yêu cầu của Phiếu lấy ý kiến khi tiếp nhận hồ sơ hoặc khi trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân. Khi trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp Phiếu lấy ý kiến vào thùng, hòm đựng phiếu đặt tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường, xã.

- Trường hợp gửi hoặc phát Phiếu lấy ý kiến theo cách thức điều tra thì cán bộ điều tra có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức, cá nhân trả lời đầy đủ nội dung và yêu cầu của Phiếu lấy ý kiến; thu nhận, tổng hợp Phiếu lấy ý kiến và bàn giao đầy đủ cho công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường, xã để xử lý, tổng hợp kết quả theo quy định.

4.5. Hằng năm, căn cứ quy định về các hình thức đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính tại phường, xã và điều kiện, yêu cầu thực tế của nhiệm vụ xây dựng phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại địa phương.

4.6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã chỉ đạo, phân công công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường, xã chủ trì, phối hợp công chức Tư pháp - Hộ tịch tổ chức đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính như sau:

- Đề xuất đối tượng, số lượng đối tượng tham gia đánh giá sự hài lòng khi thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn theo chỉ đạo hằng năm của cơ quan có thẩm quyền;

- Hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện đánh giá sự hài lòng khi thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn; tổng hợp, xử lý kết quả đánh giá sự hài lòng; xây dựng bảng tổng hợp kết quả theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28/7/2017 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp;

- Lưu trữ hồ sơ, tài liệu phục vụ việc đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn theo quy định.

4.7. Ủy ban nhân dân phường, xã phối hợp, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thực hiện giám sát kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính tại phường, xã.

5. Điều kiện, thẩm quyền công nhận phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật:

- Cơ quan chủ trì: Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật thành phố
- Cơ quan tham mưu thực hiện: UBND các phường, xã.
- Thời gian thực hiện: Hàng năm.

5.1. Thẩm quyền công nhận phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xét, công nhận phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và chỉ đạo thực hiện các giải pháp đối với các phường, xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn quản lý.

5.2. Phường, xã được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Không có tiêu chí nào dưới 50% số điểm tối đa;
- Tổng số điểm của các tiêu chí tiếp cận pháp luật phải đạt từ 90% số điểm tối đa trở lên;
- Kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính tại phường, xã phải đạt từ 80% tổng số điểm tối đa trở lên;
- Trong năm không có cán bộ, công chức phường, xã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức từ cảnh cáo trở lên do vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ hoặc phải bồi thường thiệt hại do hành vi công vụ trái pháp luật gây ra.

6. Quy trình đánh giá, công nhận phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật:

- Việc rà soát, đánh giá, chấm điểm, công nhận phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được tiến hành hàng năm, tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12.

- Kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính tại phường, xã được thực hiện bằng phiếu lấy ý kiến, bảng điện tử hoặc hình thức phù hợp khác tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường, xã hoặc kết hợp với đánh giá sự hài lòng của người dân về xây dựng nông thôn mới, chỉ số cải cách thủ tục hành chính hằng năm.

- Công chức phường, xã được giao theo dõi các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật có trách nhiệm tự chấm điểm, gửi kết quả đến công chức Tư pháp - Hộ tịch. Căn cứ kết quả tự chấm điểm của công chức phường, xã và kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính, công chức Tư pháp - Hộ tịch tổng hợp báo cáo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã tổ chức họp đánh giá kết quả xây dựng phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Cuộc họp có đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp tham dự. Trường hợp xét thấy đủ điều kiện được công nhận phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã gửi hồ sơ đề nghị công nhận phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đến Phòng Tư pháp thành phố trước ngày 05 tháng 01 của năm liền kề sau năm đánh giá.

Hồ sơ đề nghị công nhận phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật bao gồm: Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn của Ủy ban nhân dân phường, xã; Bảng tổng hợp điểm số của các chỉ tiêu, tiêu chí tự chấm điểm; Bảng tổng hợp kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân; công văn đề nghị công nhận phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và tài liệu khác (nếu có).

- Phòng Tư pháp có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ đề nghị công nhận phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã giải trình, bổ sung hồ sơ trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

- Căn cứ kết quả họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật, Phòng Tư pháp lập danh sách phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, danh sách phường, xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và đề xuất các giải pháp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trước ngày 20 tháng 01 của năm liền kề sau năm đánh giá.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định công nhận phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trước ngày 25 tháng 01 của năm liền kề sau năm đánh giá; báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) kết quả công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và các giải pháp đối với phường, xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn.

7. Các tiêu chí tiếp cận pháp luật:

Tiêu chí tiếp cận pháp luật gồm 05 tiêu chí thành phần với tổng số **100 điểm**, cụ thể:

7.1. Tiêu chí 1: Bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật (15 điểm)

- *Chỉ tiêu 1:* Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch triển khai nhiệm vụ được giao để thi hành Hiến pháp, pháp luật, chỉ đạo của cấp trên tại địa phương và triển khai thực hiện đúng yêu cầu, tiến độ;

- *Chỉ tiêu 2:* An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (*ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút*) trên địa bàn phường, xã được kiểm chế, có giảm so với năm trước;

- *Chỉ tiêu 3:* Giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng trình tự, thủ tục, thời hạn; không có hoặc giảm khiếu nại, tố cáo kéo dài trên địa bàn phường, xã so với năm trước.

7.2. Tiêu chí 2: Thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã (30 điểm)

- *Chỉ tiêu 1:* Công khai đầy đủ, kịp thời các thủ tục hành chính;
- *Chỉ tiêu 2:* Bố trí địa điểm, công chức tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính theo quy định;
- *Chỉ tiêu 3:* Giải quyết các thủ tục hành chính đúng trình tự, thủ tục, thời hạn quy định;
- *Chỉ tiêu 4:* Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về giải quyết các thủ tục hành chính đúng trình tự, thủ tục, thời hạn quy định;
- *Chỉ tiêu 5:* Bảo đảm sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính.

7.3. Tiêu chí 3: Phổ biến, giáo dục pháp luật (25 điểm)

- *Chỉ tiêu 1:* Công khai văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung liên quan trực tiếp đến tổ chức, cá nhân trên địa bàn (*trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước*) thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân phường, xã;
- *Chỉ tiêu 2:* Cung cấp đầy đủ thông tin pháp luật thuộc trách nhiệm phải cung cấp của Ủy ban nhân dân phường, xã theo quy định;
- *Chỉ tiêu 3:* Tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định và chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan, tổ chức cấp trên;
- *Chỉ tiêu 4:* Tổ chức quán triệt, phổ biến các văn bản, chính sách pháp luật mới ban hành cho cán bộ, công chức phường, xã;
- *Chỉ tiêu 5:* Triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho Nhân dân trên địa bàn phường, xã bằng hình thức thích hợp;
- *Chỉ tiêu 6:* Triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù trên địa bàn thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân phường, xã theo quy định của Luật phổ biến, giáo dục pháp luật;
- *Chỉ tiêu 7:* Các thiết chế thông tin, văn hóa, pháp luật tại cơ sở hoạt động có hiệu quả, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, phổ biến pháp luật của Nhân dân trên địa bàn phường, xã;
- *Chỉ tiêu 8:* Tổ chức đối thoại chính sách, pháp luật theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương;
- *Chỉ tiêu 9:* Bố trí đủ kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định.

7.4. Tiêu chí 4: Hòa giải ở cơ sở (10 điểm)

- *Chỉ tiêu 1:* Thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải; hòa giải viên; tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ và kỹ năng hòa giải ở

cơ sở cho hòa giải viên; đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở;

- *Chỉ tiêu 2:* Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải kịp thời theo yêu cầu của các bên;

- *Chỉ tiêu 3:* Bố trí đủ kinh phí hỗ trợ công tác hòa giải ở cơ sở theo quy định.

7.5. Tiêu chí 5: Thực hiện dân chủ ở cơ sở (20 điểm)

- *Chỉ tiêu 1:* Công khai, minh bạch các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở trừ các thông tin quy định tại chỉ tiêu 1 của Tiêu chí 2 và chỉ tiêu 1 của Tiêu chí 3;

- *Chỉ tiêu 2:* Cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được bàn, quyết định trực tiếp về các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở;

- *Chỉ tiêu 3:* Cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được bàn, biểu quyết để cơ quan có thẩm quyền quyết định về các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở;

- *Chỉ tiêu 4:* Nhân dân được tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định về các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở;

- *Chỉ tiêu 5:* Nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện giám sát các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở.

8. Điểm số, cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật:

8.1. *Tổng điểm* số các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật là **100 điểm**. Điểm số của từng chỉ tiêu được thực hiện theo Phụ lục I kèm theo Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28/7/2017 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp.

8.2. *Cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật:*

- Đối với chỉ tiêu xác định theo tỷ lệ phần trăm (%), điểm số tính như sau:

Số điểm của chỉ tiêu = (Tỷ lệ % đạt được x Số điểm tối đa của chỉ tiêu)/100

(Hướng dẫn cụ thể cách tính điểm được quy định cụ thể tại Phụ lục I)

- Đối với chỉ tiêu không xác định theo tỷ lệ phần trăm (%), cách tính điểm theo điểm số tại Phụ lục I kèm theo Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28/7/2017 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp;

- Điểm số của từng chỉ tiêu được lấy đến hai chữ số thập phân. Sau khi cộng điểm của tất cả các chỉ tiêu được xác định theo tỷ lệ phần trăm hoặc không xác định theo tỷ lệ phần trăm nêu trên, nếu tổng số điểm có giá trị thập phân dưới 0,5 điểm thì làm tròn xuống, nếu có giá trị thập phân từ 0,5 điểm trở lên thì làm tròn lên.

(Hướng dẫn cụ thể cách làm tròn số thập phân được quy định tại Phụ lục I)

9. Biểu mẫu thực hiện đánh giá, công nhận phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật:

Biểu mẫu thực hiện đánh giá, công nhận phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được thực hiện theo Phụ lục II kèm theo Thông tư Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28/7/2017 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp, bao gồm:

- Bảng tổng hợp điểm số của các chỉ tiêu, tiêu chí tự chấm điểm (Mẫu 01-TCPL-II);

- Phiếu lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính (Mẫu 02-TCPL-II);

- Bảng tổng hợp kết quả đánh giá sự hài lòng về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính (Mẫu 03-TCPL-II);

- Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của Ủy ban nhân dân phường, xã (Mẫu 04-TCPL-II);

- Công văn đề nghị công nhận phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 05-TCPL-II);

- Biên bản họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật (Mẫu 06-TCPL-II);

- Danh sách phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 07-TCPL-II);

- Danh sách phường, xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 08-TCPL-II);

- Quyết định công nhận phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 09-TCPL-II).

10. Niêm yết kết quả đánh giá, công bố phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật:

- Ủy ban nhân dân phường, xã niêm yết công khai kết quả chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật tại trụ sở làm việc, nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt cộng đồng của khu phố, thôn, tổ dân phố và cộng đồng dân cư khác và thông báo trên đài, loa truyền thanh cơ sở trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc tự chấm điểm.

- Ủy ban nhân dân thành phố công bố danh sách phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, danh sách phường, xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên Trang Thông tin điện tử của thành phố chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công nhận.

11. Kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả các phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn.

11.1. Tổ chức kiểm tra, giám sát triển khai nhiệm vụ xây dựng phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Tư pháp – Cơ quan thường trực của Hội đồng.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan thành viên và các đơn vị liên quan.

- Thời gian thực hiện: Hằng năm (định kỳ, đột xuất).

11.2. Tổ chức sơ kết, tổng kết kết quả và khen thưởng nhiệm vụ xây dựng các phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- *Cơ quan chủ trì:* Phòng Tư pháp.
- *Cơ quan phối hợp thực hiện:* UBND các phường, xã và các cơ quan, đơn vị liên quan.

- *Thời gian thực hiện:* Sơ kết năm 2018, tổng kết năm 2020.

11.3. Thực hiện đầu mối quản lý, theo dõi về xây dựng phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và tiêu chí phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới.

- *Cơ quan chủ trì:* Phòng Tư pháp.
- *Cơ quan phối hợp thực hiện:* Các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- *Thời gian thực hiện:* Hằng năm.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các đơn vị thực hiện:

a) *Phòng Tư pháp* làm đầu mối, phối hợp với các cơ quan liên quan có trách nhiệm tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này:

- Tham mưu UBND thành phố chỉ đạo, tạo điều kiện cho các phòng, ngành, đoàn thể tích cực tham gia xây dựng phường, xã tiếp cận pháp luật; hướng dẫn Ủy ban nhân dân các phường, xã tổ chức thực hiện các công việc về chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, ngành trên địa bàn thành phố triển khai thực hiện; kiểm tra, tổng hợp, thống kê và định kỳ báo cáo kết quả việc thực hiện.

- Tổng hợp ý kiến đề xuất xử lý khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, đơn vị trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

b) *Phòng Nội vụ* chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện việc kiện toàn tổ chức, nhân sự đảm bảo công tác đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại cơ sở.

c) *Phòng Văn hoá - Thông tin* phối hợp với phòng Tư pháp tăng cường hoạt động truyền thông, phổ biến Chương trình, Bộ tiêu chí tiếp cận pháp luật và các văn bản có liên quan để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng về tiếp cận pháp luật; thực hiện các nội dung được giao tại Mục II Kế hoạch này.

d) *Phòng Tài chính - Kế hoạch* có trách nhiệm tham mưu cho UBND thành phố bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch này trong dự toán chi ngân sách thường xuyên hàng năm của thành phố; đồng thời, hướng dẫn UBND các phường, xã bố trí kinh phí thực hiện tại địa phương. đ) *Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố* phối hợp với phòng Tư pháp và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia giám sát việc thực hiện Kế hoạch này.

e) Văn phòng HĐND&UBND thành phố phối hợp với phòng Tư pháp và các đơn vị có liên quan thực hiện các nhiệm vụ được giao trong mục II của Kế hoạch.

f) Ủy ban nhân dân các phường, xã:

- Khẩn trương triển khai thực hiện Kế hoạch này và triển khai các nhiệm vụ, biện pháp, giải pháp xây dựng phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại địa phương theo các nhiệm vụ tại Kế hoạch.

- Tổ chức thông tin, truyền thông về tiếp cận pháp luật đến cán bộ, nhân dân trên địa bàn.

- Bố trí cán bộ, công chức, cơ sở vật chất và kinh phí hợp lý để thực hiện nhiệm vụ xây dựng phường, xã tiếp cận pháp luật.

- Theo dõi, hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc việc triển khai thực hiện; sơ kết, tổng kết, báo cáo UBND thành phố về tình hình tiếp cận pháp luật của địa phương theo quy định hiện hành; kiểm tra, tổng hợp định kỳ báo cáo kết quả việc thực hiện (trước ngày 25 tháng 5 và ngày 25 tháng 11 hàng năm).

- Chỉ đạo công chức Tư pháp - Hộ tịch phối hợp với các công chức khác của phường, xã thực hiện các nhiệm vụ nêu trên.

2. Kinh phí thực hiện:

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí trong dự toán chi ngân sách thường xuyên hàng năm của các cơ quan, đơn vị, UBND các phường, xã theo quy định của pháp luật.

- Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thực hiện theo Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh.

- Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu gặp khó khăn, vướng mắc, các cơ quan đơn vị, UBND các phường, xã phản ánh về UBND thành phố để được xem xét, chỉ đạo kịp thời./.

Nơi nhận:

- Hội đồng PHPBGDPL của tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- TTr Thành ủy, HĐND, UBND thành phố;
- UBMTTQVN và các Đoàn thể thành phố;
- Các phòng, ban, ngành thuộc thành phố;
- UBND các phường, xã;
- Trang Thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT.PTP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Bạch Ngân

PHỤ LỤC I

ĐIỂM SỐ CÁC CHỈ TIÊU CỦA TIÊU CHÍ TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

(Kèm theo Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

1. Điểm số các chỉ tiêu của tiêu chí tiếp cận pháp luật

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Điểm tự chấm	Điểm xét duyệt
Tiêu chí 1	Bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật	15		
Chi tiêu 1	Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch triển khai nhiệm vụ được giao để thi hành Hiến pháp, pháp luật, chỉ đạo của cấp trên tại địa phương và triển khai thực hiện đúng yêu cầu, tiến độ	4		
	1. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để quy định những vấn đề được luật giao (<i>Trong năm đánh giá không có nhiệm vụ ban hành văn bản quy phạm pháp luật do luật không giao được tính 01 điểm</i>)	1		
	a) Ban hành đầy đủ, đúng tiến độ	1		
	b) Ban hành đầy đủ nhưng chậm tiến độ hoặc đúng tiến độ nhưng chưa đầy đủ	0,5		
	c) Không ban hành	0		
	2. Ban hành kế hoạch, văn bản khác triển khai nhiệm vụ được giao để thi hành Hiến pháp, pháp luật, chỉ đạo của cấp trên đúng yêu cầu, tiến độ <i>Tỷ lệ % = (Tổng số kế hoạch, văn bản khác được ban hành theo đúng yêu cầu, tiến độ đề ra / Tổng số kế hoạch, văn bản khác được giao ban hành) x 100</i>	1		
	3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, văn bản khác nêu trên	2		
	a) Tổ chức thực hiện kịp thời, đúng quy định	2		
	b) Tổ chức thực hiện nhưng không kịp thời hoặc không đúng quy định hoặc tổ chức thực hiện kịp thời nhưng chưa đảm bảo yêu cầu, chất lượng	1		
	c) Không tổ chức thực hiện	0		
Chi tiêu 2	An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) trên địa bàn cấp xã được kiểm chế, có giảm so với năm trước	6		
	1. Ban hành văn bản của cấp ủy hoặc chính quyền hằng năm về công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cấp xã	1		
	2. Tình hình an ninh chính trị được bảo đảm, không để xảy ra trọng án trên địa bàn cấp xã	2		
	3. Kiểm chế, giảm tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) trên địa bàn	3		
	4. Tăng tội phạm và tệ nạn xã hội so với năm trước liền kề năm đánh giá bị 0 điểm và còn bị trừ 0,25 điểm			
Chi tiêu 3	Giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng trình tự, thủ tục,	5		

	thời hạn; không có hoặc giảm khiếu nại, tố cáo kéo dài trên địa bàn cấp xã so với năm trước			
	1. Khiếu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn <i>Tỷ lệ % = (Tổng số khiếu nại, tố cáo được giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn / Tổng số khiếu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết theo thẩm quyền) x 100</i>	3		
	2. Về khiếu nại, tố cáo kéo dài	1		
	a) Không có khiếu nại, tố cáo kéo dài	1		
	b) Giảm khiếu nại, tố cáo kéo dài so với năm trước liền kề năm đánh giá	0,5		
	c) Không giảm hoặc tăng khiếu nại, tố cáo kéo dài so với năm trước liền kề năm đánh giá	0		
	3. Thực hiện đúng quy định của pháp luật về tiếp công dân	1		
	3.1. Bảo đảm các điều kiện tiếp công dân và tổ chức tiếp công dân đúng quy định	0,5		
	3.2. Kiến nghị, phản ánh qua tiếp công dân được cấp xã giải quyết đúng thời hạn và thông báo cho người đã đến kiến nghị, phản ánh bằng hình thức theo quy định của pháp luật	0,5		
Tiêu chí 2	Thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã	30		
	Công khai đầy đủ, kịp thời các thủ tục hành chính	4		
	1. Thủ tục hành chính được niêm yết công khai đầy đủ theo quy định <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thủ tục hành chính đã niêm yết công khai / Tổng số thủ tục hành chính phải niêm yết công khai) x 100</i>	2		
	2. Thủ tục hành chính được niêm yết công khai kịp thời theo quy định	1		
	a) Niêm yết công khai thủ tục hành chính đúng ngày Quyết định công bố có hiệu lực thi hành	1		
	b) Niêm yết công khai thủ tục hành chính trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Quyết định công bố có hiệu lực thi hành	0,5		
	c) Niêm yết công khai thủ tục hành chính sau 10 ngày kể từ ngày Quyết định công bố có hiệu lực thi hành	0		
	3. Thủ tục hành chính được niêm yết theo đúng quy định	1		
	3.1. Niêm yết theo các hình thức quy định (bảng gắn trên tường, bảng trụ xoay, bảng di động...)	0,5		
	3.2. Niêm yết tại địa điểm phù hợp, dễ tiếp cận	0,5		
	Bố trí địa điểm, công chức tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính theo quy định	2		
	1. Đảm bảo diện tích làm việc của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,5		
	a) Đảm bảo diện tích theo quy định	0,5		

	b) Không đảm bảo diện tích theo quy định	0,25		
	2. Đảm bảo trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,5		
	a) Đảm bảo đầy đủ theo quy định	0,5		
	b) Chưa đảm bảo đầy đủ theo quy định	0,25		
	3. Công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đảm bảo yêu cầu, thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định	1		
	4. Không bố trí, không đảm bảo yêu cầu, trách nhiệm quy định tại điểm 1, 2, 3 của chỉ tiêu này bị 0 điểm và bị trừ 0,25 điểm			
Chi tiêu 3	Giải quyết các thủ tục hành chính đúng trình tự, thủ tục, thời hạn quy định	10		
	Thủ tục hành chính được giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn			
	$Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ lượt\ thủ\ tục\ hành\ chính\ đã\ giải\ quyết\ đúng\ trình\ tự,\ thủ\ tục,\ thời\ hạn / Tổng\ số\ lượt\ thủ\ tục\ hành\ chính\ được\ tiếp\ nhận,\ giải\ quyết) \times 100$	10		
Chi tiêu 4	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về giải quyết các thủ tục hành chính đúng trình tự, thủ tục, thời hạn quy định	2		
	Phản ánh, kiến nghị về giải quyết thủ tục hành chính được tiếp nhận, xử lý đúng trình tự, thủ tục, thời hạn (Trong năm đánh giá không có phản ánh, kiến nghị về giải quyết thủ tục hành chính được tính 02 điểm)	2		
	$Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ lượt\ phản\ ánh,\ kiến\ nghị\ đã\ giải\ quyết\ đúng\ trình\ tự,\ thủ\ tục,\ thời\ hạn / Tổng\ số\ lượt\ phản\ ánh,\ kiến\ nghị\ được\ tiếp\ nhận,\ giải\ quyết) \times 100$			
Chi tiêu 5	Bảo đảm sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính	12		
	1. Hài lòng về kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả			
	$Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ ý\ kiến\ có\ trả\ lời\ hài\ lòng / Tổng\ số\ ý\ kiến\ được\ hỏi) \times 100$	7		
	2. Hài lòng về cách ứng xử, giao tiếp, tinh thần trách nhiệm của công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả			
	$Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ ý\ kiến\ có\ trả\ lời\ hài\ lòng / Tổng\ số\ ý\ kiến\ được\ hỏi) \times 100$	5		
Tiêu chí 3	Phổ biến, giáo dục pháp luật	25		
Chi tiêu 1	Công khai văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung có liên quan trực tiếp đến tổ chức, cá nhân trên địa bàn (trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước) thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã	2		
	1. Thực hiện công khai theo quy định hoặc theo Danh	1		

	mục thông tin phải được công khai <i>Tỷ lệ % = (Tổng số văn bản đã thực hiện công khai/Tổng số văn bản theo quy định hoặc theo Danh mục thông tin phải được công khai) x 100</i>			
	2. Thực hiện cập nhật, công khai thông tin pháp luật đúng thời điểm, thời hạn, hình thức theo quy định hoặc theo Danh mục thông tin phải được công khai	1		
	2.1. Thực hiện cập nhật, công khai thông tin pháp luật đúng thời điểm, thời hạn	0,5		
	2.2. Thực hiện cập nhật, công khai thông tin pháp luật đúng hình thức	0,5		
Chi tiêu 2	Cung cấp đầy đủ thông tin pháp luật thuộc trách nhiệm phải cung cấp của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định	2		
	Thực hiện cung cấp thông tin pháp luật qua các hình thức cung cấp thông tin theo quy định và qua hoạt động của người phát ngôn (<i>Trong năm đánh giá không có yêu cầu cung cấp thông tin được tính 02 điểm</i>) <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin pháp luật đã cung cấp/Tổng số thông tin pháp luật có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100</i>	2		
Chi tiêu 3	Tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định và chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan, tổ chức cấp trên	2		
	a) Lấy ý kiến Nhân dân đối với tất cả dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định và chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên	2		
	b) Lấy ý kiến Nhân dân đối với một số dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	1		
	c) Không tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trong khi yêu cầu phải lấy ý kiến	0		
	<i>Trong năm đánh giá không được giao nhiệm vụ lấy ý kiến dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được tính 02 điểm</i>			
Chi tiêu 4	Tổ chức quán triệt, phổ biến các văn bản, chính sách pháp luật mới ban hành cho cán bộ, công chức cấp xã	2		
	a) Tổ chức quán triệt, phổ biến đầy đủ, kịp thời các văn bản, chính sách mới ban hành có nội dung liên quan đến thực thi công vụ của cán bộ, công chức cấp xã bằng hình thức thích hợp	2		
	b) Tổ chức quán triệt, phổ biến một số văn bản, chính sách mới ban hành có nội dung liên quan đến thực thi công vụ của cán bộ công chức cấp xã	1		
	c) Không tổ chức quán triệt, phổ biến văn bản, chính sách mới ban hành có nội dung liên quan đến thực thi công vụ của cán bộ, công chức cấp xã	0		
Chi tiêu 5	Triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp	4		

	luật cho Nhân dân trên địa bàn cấp xã bằng hình thức phù hợp			
	1. Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 hằng năm	0,5		
	2. Tổ chức thực hiện các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho Nhân dân trên địa bàn cấp xã bằng hình thức phù hợp theo Kế hoạch đề ra	3,5		
	a) Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch	3,5		
	b) Tổ chức thực hiện chưa đầy đủ hoặc chưa kịp thời hoặc chưa hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch	1,5		
	c) Tổ chức thực hiện chưa đầy đủ, chưa kịp thời, chưa hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch	0,5		
	d) Không tổ chức thực hiện các hoạt động theo Kế hoạch	0		
Chi tiêu 6	Triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù trên địa bàn thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của Luật phổ biến, giáo dục pháp luật	2		
	1. Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù trên địa bàn hoặc lồng ghép nội dung này trong Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm	0,5		
	2. Tổ chức thực hiện các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù theo Kế hoạch đề ra	1,5		
	a) Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch	1,5		
	b) Tổ chức thực hiện chưa đầy đủ hoặc chưa kịp thời hoặc chưa hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch	1		
	c) Tổ chức thực hiện chưa đầy đủ, chưa kịp thời, chưa hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch	0,5		
	d) Không tổ chức thực hiện các hoạt động theo Kế hoạch	0		
Chi tiêu 7	Các thiết chế thông tin, văn hóa, pháp luật tại cơ sở hoạt động có hiệu quả, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, phổ biến pháp luật của Nhân dân trên địa bàn cấp xã	6		
	1. Xây dựng, thực hiện chuyên mục thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật qua mạng lưới phát thanh, truyền thanh của Đài Truyền thanh cấp xã, loa truyền thanh cơ sở (cố định hoặc lưu động) hoặc thiết chế thông tin cơ sở phù hợp theo định kỳ	2		
	a) Thực hiện hàng tuần và nội dung thiết thực, đa dạng	2		
	b) Thực hiện hàng tháng và nội dung thiết thực, đa dạng	1		
	c) Thực hiện hàng quý và nội dung thiết thực, đa dạng	0,5		
	d) Không thực hiện theo định kỳ và nội dung không thiết thực, đa dạng	0		
	2. Xây dựng, quản lý, khai thác có hiệu quả Tủ sách pháp luật (truyền thống hoặc điện tử), Tủ sách cơ sở ở cấp xã theo quy định	3		

	2.1. Bố trí địa điểm thuận tiện, phân công người phụ trách và quản lý, sử dụng Tủ sách theo quy định	0,5		
	2.2. Định kỳ thực hiện rà soát, phân loại, bổ sung sách, tài liệu của Tủ sách theo quy định	0,5		
	2.3. Sử dụng máy tính nối mạng internet, hệ thống cơ sở dữ liệu pháp luật để tra cứu, khai thác văn bản, tài liệu pháp luật cho Tủ sách pháp luật	1		
	2.4. Thực hiện thông tin, giới thiệu các sách, tài liệu mới, có nội dung thiết thực với Nhân dân trên các phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn; luân chuyển sách, tài liệu của Tủ sách với các mô hình tủ sách tự quản/thư viện/điểm bưu điện – văn hóa để Nhân dân tiếp cận sách, tài liệu được thuận tiện, kịp thời	0,5		
	2.5. Xây dựng, duy trì một trong các mô hình Tủ sách/ngăn sách/túi sách pháp luật tại cộng đồng dân cư (Tủ sách của thôn, tổ dân phố; Tủ sách khu nhà trọ; Tủ sách quán cà phê...) trên địa bàn	0,5		
	3. Khai thác, huy động hỗ trợ mạng lưới Câu lạc bộ tham gia phổ biến, cung cấp thông tin pháp luật cho người dân (Câu lạc bộ pháp luật; Câu lạc bộ phòng, chống tội phạm; Câu lạc bộ nông dân, phụ nữ, thanh niên, cựu chiến binh hoặc Câu lạc bộ khác)	1		
	3.1. Hằng năm có định hướng nội dung khai thác, huy động mạng lưới Câu lạc bộ trong phổ biến, giáo dục pháp luật	0,5		
	3.2. Hằng năm có hỗ trợ hoạt động của Câu lạc bộ (kinh phí, tài liệu...), hỗ trợ sinh hoạt pháp luật định kỳ có hiệu quả, thiết thực	0,5		
Chỉ tiêu 8	Tổ chức đối thoại chính sách, pháp luật theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương	2		
	1. Tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại chính sách, pháp luật, lắng nghe ý kiến phản ánh, kiến nghị của Nhân dân địa phương	2		
	2. Không tổ chức trao đổi, đối thoại theo quy định bị 0 điểm và bị trừ 0,25 điểm			
Chỉ tiêu 9	Bố trí đủ kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định	3		
	1. Ngân sách cấp xã hằng năm có bố trí kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật	1		
	2. Định mức kinh phí ngân sách bảo đảm hằng năm <i>Tỷ lệ % = (Tổng số kinh phí được cấp/Tổng số kinh phí đề xuất với các mức chi và nội dung chi theo quy định của pháp luật về tài chính để thực hiện các nhiệm vụ đã được phê duyệt) x 100</i>	2		
	3. Không bố trí kinh phí cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật bị 0 điểm và bị trừ 0,25 điểm			
Tiêu chí 4	Hòa giải ở cơ sở	10		
Chỉ tiêu 1	Thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ	3		

	trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên; tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ và kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên; đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở			
	1. Hướng dẫn thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên (Trong năm đánh giá không thực sự cần thiết thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên được tính 01 điểm)	1		
	2. Hỗ trợ tài liệu, phổ biến pháp luật phục vụ hoạt động hòa giải ở cơ sở theo quy định	0,5		
	3. Hướng dẫn, thực hiện các văn bản pháp luật về hòa giải ở cơ sở	0,5		
	4. Hòa giải viên được bồi dưỡng, tập huấn, cung cấp tài liệu nghiệp vụ hòa giải do cơ quan cấp trên hoặc cấp xã thực hiện	1		
Chỉ tiêu 2	Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải kịp thời theo yêu cầu của các bên	4		
	1. Các vụ, việc thuộc phạm vi hòa giải được tiếp nhận và thực hiện hòa giải theo quy định <i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc được thực hiện hòa giải/Tổng số vụ, việc được tiếp nhận thuộc phạm vi hòa giải theo quy định) x 100</i>	2		
	2. Các vụ, việc hòa giải thành <i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải thành/Tổng số vụ, việc được thực hiện hòa giải) x 100</i>	2		
Chỉ tiêu 3	Bố trí đủ kinh phí hỗ trợ công tác hòa giải ở cơ sở theo quy định	3		
	1. Ngân sách cấp xã hằng năm có bố trí kinh phí bảo đảm cho công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở	1		
	2. Hỗ trợ kinh phí cho tổ hòa giải và hòa giải viên	2		
	2.1. Hỗ trợ kinh phí hoạt động hòa giải cho các tổ hòa giải	1		
	a) Hỗ trợ kinh phí hoạt động hòa giải cho các tổ hòa giải theo đúng định mức quy định	1		
	b) Hỗ trợ kinh phí hoạt động hòa giải cho các tổ hòa giải theo định mức thấp hơn định mức quy định	0,5		
	2.2. Chi thù lao hòa giải viên theo vụ, việc	1		
	a) Chi thù lao hòa giải viên cho tất cả vụ, việc hòa giải theo đúng định mức quy định	1		
	b) Chi thù lao hòa giải viên cho một số vụ, việc hòa giải hoặc chi thù lao với định mức thấp hơn định mức quy định	0,5		
	3. Không bố trí kinh phí cho công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở, kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải, chi thù lao hòa giải viên theo vụ, việc bị 0 điểm và bị trừ 0,25 điểm			

Tiêu chí 5	Thực hiện dân chủ ở cơ sở	20		
Chi tiêu 1	Công khai, minh bạch các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở, trừ các thông tin quy định tại chỉ tiêu 1 của tiêu chí 2 và chỉ tiêu 1 của tiêu chí 3 <i>Tỷ lệ % = Tổng số nội dung đã công khai/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định phải công khai để dân biết phát sinh trên thực tế x 100</i>	4		
Chi tiêu 2	Cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được bàn, quyết định trực tiếp về các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã được cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình bàn, quyết định trực tiếp/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được bàn, quyết định trực tiếp phát sinh trên thực tế) x 100</i>	4		
Chi tiêu 3	Cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được bàn, biểu quyết để cơ quan có thẩm quyền quyết định về các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã được cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình bàn, biểu quyết/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình bàn, biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định phát sinh trên thực tế) x 100</i>	4		
Chi tiêu 4	Nhân dân được tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định về các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã được Nhân dân tham gia ý kiến/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định phải lấy ý kiến Nhân dân phát sinh trên thực tế) x 100</i>	4		
Chi tiêu 5	Nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện giám sát các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã được giám sát/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định Nhân dân thực hiện giám sát trực tiếp và thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng phát sinh trên thực tế) x 100</i>	4		

2. Hướng dẫn cụ thể cách tính điểm số theo tỷ lệ phần trăm (%) và cách làm tròn điểm số thập phân của từng chỉ tiêu.

2.1. Đối với chỉ tiêu xác định theo tỷ lệ phần trăm (%), điểm số tính như sau:

Số điểm của chỉ tiêu = (Tỷ lệ % đạt được x Số điểm tối đa của chỉ tiêu)/100

Ví dụ:

- Tỷ lệ % đạt được của chỉ tiêu: 83,33%;
- Số điểm tối đa của chỉ tiêu: 05 điểm;
- Số điểm của chỉ tiêu (chưa làm tròn) = $(83,33 \times 5)/100 = 4,165$ điểm.

2.2. Đối với việc làm tròn điểm số của từng chỉ tiêu và làm tròn tổng số điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật:

a) Điểm số của từng chỉ tiêu được lấy đến hai chữ số thập phân:

Ví dụ: Số điểm của chỉ tiêu (chưa làm tròn) là 4,4165 điểm thì số điểm của chỉ tiêu sau khi đã làm tròn là 4,42 điểm.

b) Sau khi cộng điểm của tất cả các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, nếu tổng số điểm có giá trị thập phân dưới 0,5 điểm thì làm tròn xuống, nếu có giá trị thập phân từ 0,5 điểm trở lên thì làm tròn lên:

Ví dụ:

- Tổng số điểm của các chỉ tiêu từ 89,01 đến 89,49 làm tròn là 89 điểm.
- Tổng số điểm của các chỉ tiêu từ 75,5 đến 75,99 làm tròn là 76 điểm.

PHỤ LỤC II

BIỂU MẪU THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

(Kèm theo Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Số	Tên mẫu	Ký hiệu
01	Bảng tổng hợp điểm số của các chỉ tiêu, tiêu chí tự chấm điểm	Mẫu 01-TCPL-II
02	Phiếu lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính	Mẫu 02 -TCPL-II
03	Bảng tổng hợp kết quả đánh giá sự hài lòng về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính	Mẫu 03 -TCPL-II
04	Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp xã	Mẫu 04 -TCPL-II
05	Công văn đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Mẫu 05 -TCPL-II
06	Biên bản họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật	Mẫu 06 -TCPL-II
07	Danh sách cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Mẫu 07 -TCPL-II
08	Danh sách cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Mẫu 08 -TCPL-II
09	Quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Mẫu 09 -TCPL-II

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
(PHƯỜNG, THỊ TRẤN)....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM SỐ CỦA CÁC CHỈ TIÊU, TIÊU CHÍ TỰ CHẤM ĐIỂM

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Điểm số đánh giá	Ghi chú	Chữ ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tiêu chí 1	Bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật	15			
Chỉ tiêu 1		4			
1. Nội dung 1		1			
2. Nội dung 2		1			
3. Nội dung 3		2			
Chỉ tiêu 2		6			
1. Nội dung 1		1			
2. Nội dung 2		2			
3. Nội dung 3		3			
.....		...			
.....					
Tiêu chí 5	Thực hiện dân chủ ở cơ sở	20			
Chỉ tiêu 1		4			
Chỉ tiêu 2		4			
.....					
Tổng điểm		100			

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CÔNG CHỨC TƯ PHÁP – HỘ TỊCH
(Ký và ghi rõ họ tên)

(2) Ghi rõ nội dung tiêu chí, chỉ tiêu và nội dung cụ thể của từng chỉ tiêu theo Phụ lục I

(4) Ghi điểm số đạt được sau khi đã trừ điểm số bị trừ theo quy định (nếu có)

(5) Ghi số điểm bị trừ (nếu có) hoặc các nội dung khác

(6) Công chức cấp xã tổng hợp điểm số của từng chỉ tiêu, tiêu chí được giao quản lý, theo dõi và ký, ghi rõ họ tên

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
(PHƯỜNG, THỊ TRẤN)....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

PHIẾU LẤY Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ SỰ HÀI LÒNG

Về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính

Địa điểm (1):

Tên thủ tục hành chính (2):

Đề nghị tổ chức/cá nhân vui lòng cho biết ý kiến bằng cách đánh dấu "X" vào ô "" lựa chọn đối với các câu hỏi dưới đây:*

1. Hài lòng về kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

☐ **Hài lòng** ☐ **Không hài lòng**

2. Hài lòng về cách ứng xử, giao tiếp, tinh thần trách nhiệm của công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

☐ **Hài lòng** ☐ **Không hài lòng**

Người đánh giá (3)
(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Ghi rõ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn)...

(2) Ghi rõ tên thủ tục hành chính mà tổ chức, cá nhân yêu cầu giải quyết. Ví dụ: Đăng ký khai sinh/Đăng ký kết hôn...

(3) Phần này không bắt buộc, có thể ghi hoặc không

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
(PHƯỜNG, THỊ TRẤN)....
-----CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ SỰ HÀI LÒNG**Về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính**

1. Tổng số lượt thủ tục hành chính đã được giải quyết và trả kết quả của năm trước liền kề năm đánh giá:.....

2. Tổng số ý kiến:

3. Kết quả tổng hợp:

Nội dung	Mức độ đánh giá				Ghi chú	
	Hài lòng		Không hài lòng			
	Số ý kiến	Tỷ lệ %	Số ý kiến	Tỷ lệ %		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
1. Hài lòng về kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả						
2. Hài lòng về cách ứng xử, giao tiếp, tinh thần trách nhiệm của công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả						
Kết quả trung bình về tỷ lệ % (*)						

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)**NGƯỜI TỔNG HỢP**
(Ký và ghi rõ họ tên)

(3) Tỷ lệ % = Số ý kiến tại cột (2)/Tổng số ý kiến x 100

(5) Tỷ lệ % = Số ý kiến tại cột (4)/Tổng số ý kiến x 100

(*) Tỷ lệ % trung bình = Tổng tỷ lệ % kết quả đánh giá sự hài lòng của 02 nội dung đánh tại cột (3) và cột (5)/2

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
(PHƯỜNG, THỊ TRẤN)....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

Đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn xã (phường, thị trấn) ...

I. Khái quát đặc điểm, tình hình

- Điều kiện địa lý, tự nhiên, kinh tế - xã hội, số lượng thôn, làng, bản, ấp, phum, sóc, tổ dân phố; dân số; xã (phường, thị trấn) thuộc loại nào trong các xã (phường, thị trấn) theo quy định về phân loại đơn vị hành chính.

- Thuận lợi, khó khăn trong đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

II. Kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

1. Kết quả đạt được

1.1. Về chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện

1.2. Về đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

a) Kết quả thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật:

- Có .../5 tiêu chí tiếp cận pháp luật đạt từ 50% trở lên tổng số điểm tối đa

- Có .../5 tiêu chí tiếp cận pháp luật đạt dưới 50% tổng số điểm tối đa

- Tổng số điểm bị trừ: ... điểm

- Tổng số điểm đạt được của 5 tiêu chí: ... /100 điểm; số điểm sau khi làm tròn: ... điểm.

b) Đối chiếu với các điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

- Điều kiện về tổng số điểm của từng tiêu chí (nêu rõ đạt hay chưa đạt);

- Điều kiện về tổng số điểm của các tiêu chí (nêu rõ đạt hay chưa đạt);

- Điều kiện về tổng số điểm đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính (nêu rõ đạt hay chưa đạt);

- Điều kiện về cán bộ công chức cấp xã vi phạm kỷ luật theo quy định (nêu rõ các trường hợp vi phạm, hình thức bị kỷ luật..., đạt hay chưa đạt).

c) Trên cơ sở tổng hợp, đánh giá, chấm điểm các tiêu chí tiếp cận pháp luật và kết quả cuộc họp Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) ... tự đánh giá: **Đạt/Chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.**

2. Những tác động (tích cực, tiêu cực) của việc thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật (đối với việc cải thiện điều kiện tiếp cận pháp luật của người dân đối với thông tin pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, giải quyết thủ tục hành chính, phát huy dân chủ ở cơ sở, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, tháo gỡ kịp thời mâu thuẫn, tranh chấp, vướng mắc, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn cấp xã).

3. Thuận lợi, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật và đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

4. Sáng kiến, kinh nghiệm trong thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật và đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

III. Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

IV. Giải pháp nâng cao hiệu quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; cải thiện điều kiện tiếp cận pháp luật cho người dân

(Phần này nêu giải pháp cụ thể trong việc thực hiện các tiêu chí, xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong năm sau).

VI. Kiến nghị, đề xuất

Đưa ra kiến nghị, đề xuất phù hợp với đặc thù địa phương về nhận thức, thể chế, chính sách; hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện; các điều kiện bảo đảm thực hiện và các vấn đề khác có liên quan đến xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (đối với Ủy ban nhân dân cấp trên; với các cơ quan, tổ chức có liên quan).

Nơi nhận:

- UBND huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh).....;
-;
- Lưu: VT,...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên và đóng dấu)

Họ và tên

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
(PHƯỜNG, THỊ TRẤN)....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /....

V/v đề nghị công nhận cấp xã
đạt chuẩn tiếp cận pháp luật
năm.....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ kết quả cuộc họp đánh giá kết quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật ngày ...tháng ...năm....của UBND xã;

Căn cứ....,

UBND xã kính đề nghị UBND huyện, tỉnh.....xem xét, quyết định công nhận Ủy ban nhân dân xã..... đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm.....

Hồ sơ kèm theo gồm có:

1. Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn của Ủy ban nhân dân cấp xã.
2. Bảng tổng hợp điểm số của các chỉ tiêu, tiêu chí tự chấm điểm.
3. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân;
4. Tài liệu chứng minh kết quả tự đánh giá, chấm điểm của Ủy ban nhân dân cấp xã.
5. Tài liệu khác (nếu có).

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT,...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**
(Ký tên và đóng dấu)
Họ và tên

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ,
THÀNH PHỐ THUỘC
TỈNH...)...
**HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ
TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**
Số: .../BB-HĐTCPL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

BIÊN BẢN

Họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật

Thời gian: ... giờ ... ngày...tháng...năm ...

Địa điểm:.....

Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật huyện (quận, thị xã, thành phố ...).....tiến hành họp để xem xét, đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật năm

I. Thành phần tham dự

Hội đồng có.....thành viên tham dự (vắng ...), bao gồm:

- Đồng chí: ... Chủ trì cuộc họp;
- Đồng chí ...- Thư ký cuộc họp;
- Các Ủy viên:người.

II. Nội dung cuộc họp

1. Đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Hội đồng thảo luận, có ý kiến tư vấn về những nội dung sau:

- Kết quả tự đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của xã, phường, thị trấn trên địa bàn cấp huyện do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trình và Phòng Tư pháp tiếp nhận, tổng hợp;
- Đề xuất sáng kiến, giải pháp xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn.
- Các nội dung, vấn đề khác có liên quan thuộc chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng theo quy định.

2. Ý kiến tư vấn của thành viên Hội đồng (ghi đầy đủ, cụ thể các ý kiến của thành viên Hội đồng tham dự họp)

3. Ý kiến của Chủ tịch Hội đồng

Căn cứ vào kết quả thảo luận của các thành viên Hội đồng và ý kiến của các đại biểu tham dự (nếu có), Chủ tịch Hội đồng có ý kiến:

- Thể hiện ý kiến về các nội dung, vấn đề thuộc trách nhiệm của thành viên Hội đồng;
- Giao Phòng Tư pháp cấp huyện hoàn thiện Biên bản họp Hội đồng và các tài liệu có liên quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

4. Kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thông qua biểu quyết hoặc phiếu lấy ý kiến

Nêu rõ có ... thành viên/...tổng số thành viên Hội đồng nhất trí trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Cuộc họp kết thúc vào lúc ... giờ ngày ... tháng ... năm....

Biên bản này được lập thành ... bản, gửi.... và lưu giữ tại...

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ,
THÀNH PHỐ THUỘC
TỈNH...)...
PHÒNG TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàythángnăm.....

DANH SÁCH CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT (*)

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Kết quả đánh giá sự hài lòng (%)
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Loại I (**)							
1								
2								
....								
II	Loại II (***)							
3								
4								
....								
III	Loại III (****)							
.....								
.....								

Nơi nhận:

-....

- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(*) Mẫu này do Phòng Tư pháp lập theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Quyết định số 619/QĐ-TTg

(**), (***), (****) Phân loại đơn vị hành chính loại I, loại II, loại III theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

(3) Sắp xếp xã, phường, thị trấn theo tổng số điểm đạt được từ cao xuống thấp đối với từng loại.

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ,
THÀNH PHỐ THUỘC
TỈNH...)...
PHÒNG TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngàythángnăm....

DANH SÁCH CẤP XÃ CHƯA ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT (*)

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Kết quả đánh giá sự hài lòng (%)	Cán bộ, công chức cấp xã bị xử lý kỷ luật
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Loại I (**)								
1									
2									
....									
II	Loại II (***)								
3									
4									
....									
III	Loại III (****)								
....									
....									

Nơi nhận:

-....

- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(*) Mẫu này do Phòng Tư pháp lập theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Quyết định số 619/QĐ-TTg

(**), (***), (****) Phân loại đơn vị hành chính loại I, loại II, loại III theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

(4) Sắp xếp xã, phường, thị trấn theo tổng số điểm đạt được từ cao xuống thấp đối với từng loại.

(10) Đánh dấu "X" nếu trong năm đánh giá có cán bộ, công chức bị xử lý kỉ luật theo quy định

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ,
THÀNH PHỐ THUỘC
TỈNH...)....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-UBND

..., ngày...tháng...năm...

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận (xã phường, thị trấn) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THUỘC
TỈNH...)....**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Theo hồ sơ đánh giá, biên bản họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật ngày ...tháng ...năm ...;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận ... xã, phường, thị trấn (có Danh sách kèm theo) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm....

Điều 2.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Nơi nhận:

- Như Điều....;

-;

- Lưu: VT,... .

CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)